

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2023/DS - PT

Ngày: 18-9-2023

*V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận
QSD đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: ông **Võ Ngọc Thông**

 bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đinh Văn Chánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận QSD đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3180/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Anh N, sinh năm 1989, địa chỉ số nhà E, khu dân cư D, thành phố D, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Cao Thị Thanh T, trú tại: Thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà T: Ông Lê Anh X.

Có mặt.

- Bị đơn: ông Đinh Minh V (Đinh V), địa chỉ tại thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Thúy . Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Trần Văn Đ, Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh Q. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q do ông Nguyễn H, Giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Q đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trà Quỳnh L – Phó Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Bắc V1 – Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Minh T1 – Trường P. Vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

* Người kháng cáo: ông Đinh Minh V (Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải nguyên đơn thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp được bố mẹ ông N là ông Lê V2 và bà Cao Thị Thanh T sử dụng từ trước năm 1995. Năm 1998, nhà nước chia lại đất trên cơ sở hiện trạng đang sử dụng đất của các hộ gia đình. Và đến năm 2007 được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 718, tờ bản đồ số 17, diện tích 862m² mang tên ông Lê V2 và bà Cao Thị Thanh T. Năm 2017, do điều kiện gia đình bố mẹ già yếu không canh tác được nên đã lập văn bản tặng cho Lê Anh N các thửa đất nông nghiệp, trong đó có thửa đất nói trên. Ngày 03/5/2017, UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 613171 mang tên Lê Anh N, trong đó có thửa 718, tờ bản đồ 17. Sau khi được nhận chuyển nhượng, do điều kiện đi làm ăn xa nên thửa đất trên ông chưa sử dụng. Ông Đinh Vũ n cùng thôn đến trồng keo trên đất. Vì cũng chưa có điều kiện canh tác trở lại nên gia đình cũng đề cho ông Vũ t lúc nào thu hoạch keo thì trả lại đất. Tuy nhiên sau đó ông V không trả lại đất. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông V thu hoạch keo để trả lại thửa đất 718, tờ bản đồ 17 xã H cho ông.

Ngày 12/9/2022, Ông Đinh Vũ c đơn phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông V2, bà T đồng thời hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến thửa đất nêu trên với lý do thửa đất trên có nguồn gốc do gia đình ông canh tác, sản xuất trên 30 năm đến nay. Năm 1993, UBND xã H giao đất cho các hộ gia đình và đã giao cho gia đình ông thửa đất đang có tranh chấp. Thời điểm năm 2008, Đoàn Đ2 thực hiện việc đo đạc lại bản đồ địa chính. Thôn thông báo cho người sử dụng đất cắm biển tên lên các thửa đất đang sử dụng. Lúc đó ông Lê V2 làm trưởng thôn. Không hiểu nguyên nhân vì sao ông đã cắm bảng tên theo hướng dẫn nhưng có người khác đổi biển tên của ông và UBND xã,

Huyện cấp cho ông Lê V2, bà Cao Thị Thanh T mà không cấp giấy cho ông. Từ trước đến nay, gia đình ông sử dụng để trồng keo nhưng gia đình bà T không nói gì. Đến năm 2017 bà T yêu cầu ông trả lại đất thì ông mới biết thửa đất trên cấp cho bà T. Những hộ liên kề đều biết việc canh tác trồng cây của ông V gồm các ông bà Đinh Thanh Đ1, Ngô Thị T2 và ông Đinh Xuân B. Với những lý do nêu trên, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trả lại đất đồng thời ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông V2, bà T, sau này chuyển nhượng cho ông N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND huyện M tại văn bản số 11/TNMT ngày 06/4/2023 có ý kiến như sau: Thửa đất đang tranh chấp là thửa 718, tờ bản đồ số 17 xã H, huyện M. Về nguồn gốc đất được giao theo Nghị định 64. Năm 1995, gia đình ông Lê V2 và bà Cao Thị Thanh t1 được giao đất sản xuất nông nghiệp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có thửa đất đang tranh chấp. Năm 2007, thực hiện đo vẽ lại bản đồ địa chính, thửa đất được đo vẽ lại theo bản đồ mới có số thửa 718, tờ bản đồ 17, diện tích 862m², mục đích đất sản xuất nông nghiệp (BHK). Ngày 29/4/2007, hộ gia đình ông Lê V2 và bà Cao Thị Thanh T có đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa 718, TBĐ số 17. Ngày 10/7/2007, UBND xã H có xác nhận nguồn gốc giao đất theo Nghị định 64, tình trạng tranh chấp: không; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Do đó đủ điều kiện để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 02/11/2007, UBND huyện ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê V2, bà Cao Thị Thanh T gồm các thửa đất số 546, 616, 676, 691 và thửa 718 tờ bản đồ 17; Thửa 23, 28, 76, 77 tờ bản đồ 25 với tổng diện tích 5.018m².

Năm 2017, ông V2, bà T lập hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đối với các thửa đất nói trên cho ông Lê Anh N. Hợp đồng tặng cho được UBND xã H chứng thực ngày 15/02/2017. Ngày 10/4/2017, Văn phòng đăng ký đất đai huyện M (nay là Chi nhánh văn phòng Đ) đã tiến hành thẩm tra, xác minh. Tại biên bản thể hiện thửa đất sử dụng đúng hiện trạng, không có tranh chấp, đủ điều kiện tặng cho quyền sử dụng đất.

Ngày 03/5/2017, UBND huyện ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Anh N đối với các thửa đất số 546, 616, 676, 691 và thửa 718 tờ bản đồ 17; Thửa 23, 28, 76, 77 tờ bản đồ 25 với tổng diện tích 5.018m².

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê V2 và bà Cao Thị Thanh T được UBND xã H kiểm tra, xác minh về nguồn gốc, tình trạng tranh chấp, quy hoạch, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên thực hiện đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật đất đai năm 2003 và Nghị định 181 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 và các văn bản có liên quan.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính xã H thì thửa đất 718, tờ bản đồ 17 diện tích 862m² mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp được đo vẽ và quy chủ cho ông Lê V2 và bà Cao Thị Thanh T. Thửa đất không được quy chủ hay cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Vũ .1 Các hồ sơ liên quan không thể hiện chủ sử dụng là ông Đinh Minh V. Đó đó, đối với yêu cầu của ông Vũ h giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Anh N là không có cơ sở. Kèm văn bản là các chứng cứ tài liệu khác.

Tại văn bản số 125/UBND ngày 24/3/2023, UBND xã H có ý kiến như sau: Đối với thửa đất 718, tờ bản đồ số 17 tại thôn V, xã H xã không có hồ sơ lưu trữ nên không biết rõ nguồn gốc. Năm 2007 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê V2, bà Cao Thị Thanh T và đến năm 2017 ông Lê V2, bà Cao Thị Thanh T3 tặng cho thửa đất nói trên cho Lê Anh N. Hiện trạng trên thửa đất số 718, tờ bản đồ 17 ông Đinh Vũ sản x từ 2007 cho đến nay. Năm 2022, hai hộ tranh chấp đất được UBND xã mời lên hòa giải nhưng không thành. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xem xét vào hồ sơ và các chứng cứ khác do hai hộ cung cấp để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng do phía bị đơn yêu cầu gồm ông Đinh Xuân B, Đinh Dũng C và bà Ngô Thị T2 trình bày: Ông Đinh Xuân B và bà Ngô Thị T2 đều trình bày ông V là người trồng cây trên đất từ thời điểm được Hợp tác xã giao đất cho đến nay, bà T chưa sử dụng thửa đất 718. Ông Đinh Dũng C nguyên là đội trưởng đội sản xuất từ năm 1990 đến 1995. Thời điểm ông làm đội trưởng thì ông biết ông Đinh Vũ t2 cây trên diện tích đang tranh chấp. Sau đó khi bàn giao công việc thì ông không biết ai là người canh tác trên thửa đất đó. Ông không có ý kiến gì về tranh chấp của hai gia đình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 10,49,50,52,105,107, 123 Luật đất đai 2003 và các Điều 26, 99, 100,166,170, 202, 203 Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh N buộc ông Đinh Vũ p thu hoạch keo trên thửa đất 718, tờ bản đồ 17 xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình để trả lại thửa đất nói trên cho ông Lê Anh N khi bản án có hiệu lực pháp luật; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đinh Vũ v việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 699415 ngày 01/11/2007 cấp cho ông Lê V2, bà Cao Thị Thanh T và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 613171 ngày 03/5/2017 mang tên Lê Anh N tại thửa 718, tờ bản đồ số 17 xã H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/6/2023, bị đơn ông *Đinh Minh V (Đinh V)* có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông *Vũ g* nguyên nội dung kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông *N* và hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông *N*. Nguyên đơn yêu cầu ông *Đinh V* thu hoạch cây, trả lại đất cho ông *N*.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông *Đinh Minh V (Đinh V)* giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] .Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Lê Anh N và ông Đinh Vũ l quan hệ tranh chấp lấn chiếm đất đai và có yêu cầu phản tố huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của ông Đinh Vũ t3 thời hạn, đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thu hoạch cây để trả lại thửa đất 718, tờ bản đồ số 17 thôn V, xã H, Hội đồng xét xử thấy:

Theo các hồ sơ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của UBND huyện M thì: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp được giao cho ông Lê V2 và bà Cao Thị Thanh T theo Nghị định 64 (giao đất để sản xuất nông nghiệp), được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Năm 2007, thực hiện dự án đo đạc lại bản đồ địa chính, các gia đình trong đó có ông Lê V2 và bà Cao Thị Thanh T được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có thửa 718, tờ bản đồ 17 xã H, vị trí đồng Lèn, diện tích 862,5m². Theo kết quả phiếu giao nhận diện tích năm 2007 thôn V, xã H thì thửa 718, tờ bản đồ số 17, diện tích 862m² tại xứ Đ có ghi chú “cấp đổi”.

Năm 2017, ông V2, bà T lập hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đối với các thửa đất nói trên cho ông Lê Anh N. Hợp đồng tặng cho được UBND xã H chứng thực ngày 15/02/2017, qua thẩm tra, xác minh thể hiện thửa đất sử dụng đúng hiện trạng, không có tranh chấp, đủ điều kiện tặng cho quyền sử dụng đất. Ngày 03/5/2017, UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Anh N đối với thửa đất số 718 tờ bản đồ 17 theo quy định của pháp luật. Thửa đất này không được quy chủ hay cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Vũ .1 Các hồ sơ liên quan không thể hiện chủ sử dụng là ông Đinh Vũ .1

Phía nguyên đơn trình bày thửa đất trên gia đình canh tác sử dụng từ trước trước năm 1985, sau đó được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau năm 2017 ông N chưa có điều kiện canh tác thì hộ ông V đã sử dụng đất để trồng cây nên ông đòi lại.

Ông V trình bày gia đình ông V canh tác tại thửa đất tranh chấp từ năm 1985 và được một số người làm chứng cho ông V cũng có xác nhận ông V sử dụng đất từ thời được Hợp tác xã giao đất. Tuy nhiên, lời trình bày trên không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ theo như ông V ngoài thửa đất tranh chấp thì ông còn sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp khác, đều được cấp giấy năm 1995 và cấp đổi năm 2007. Trong phiếu giao nhận diện tích cấp đổi năm 2007 của gia đình ông V không có thửa 718, tờ bản đồ 17 xứ Đồng Lèn. Ông V nhận kết quả, nhưng cũng không có ý kiến gì về việc không có thửa đất nói trên. Ông V cũng xác nhận ông không làm thủ tục kê khai và không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Nếu ông V thực sự canh tác trên thửa đất 718 thì không có lý do gì ông không kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như những thửa đất nông nghiệp khác mà ông được giao. Hơn nữa, theo Điều 170 Luật đất đai quy định nghĩa vụ của người sử dụng đất là phải thực hiện kê khai đất đai. Đây là cơ sở quan trọng để Nhà nước thực hiện quản lý đất đai và giao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất một cách hợp pháp. Người sử dụng đất nếu không chủ động kê khai việc sử dụng đất thì sẽ tự hạn chế quyền được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Trong số người làm chứng có ông Đinh B là anh em ruột với ông V, những người còn lại cũng không nhớ rõ thời điểm sử dụng đất của ông V. Ngoài những lời trình bày của ông V và những người làm chứng cho ông V thì không có chứng cứ nào khác xác định thời điểm sử dụng đất của ông V. Nội dung trình bày của những người làm chứng cũng không phù hợp với các hồ sơ tài liệu của thửa đất tranh chấp. Tại biên bản hoà giải tại UBND xã H, ông V cũng trình bày từ năm 2004 đến 2010 do đất khô cằn ông cũng không sử dụng thửa đất trên.

Năm 2007, khi xác định điều kiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê V2, bà Cao Thị Thanh T, UBND xã H đã xác định nguồn gốc thửa đất 718, tờ bản đồ 17 được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP từ năm 1995, tình trạng đất không tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất của địa phương, đủ điều kiện cấp đổi. Do đó ý kiến của UBND xã H ngày 24/3/2023 về việc ông V sử dụng đất tranh chấp từ năm 2007 là không chính xác, không thống nhất với nội dung xác nhận trước đó của UBND xã, mâu thuẫn với văn bản của UBND huyện M và không phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, không phù hợp với lời trình bày của các đương sự.

[2.2]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 699415 ngày 01/11/2007 cấp cho ông Lê V2, bà Cao Thị Thanh T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 613171 ngày 03/5/2017 mang tên Lê Anh N tại thửa 718, tờ bản đồ 17, Hội đồng xét xử thấy: Về trình tự thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê V2 và bà Cao Thị Thanh T tại thửa 718, tờ bản đồ 17 xã H được UBND xã H kiểm tra, xác minh về nguồn gốc, tình trạng tranh chấp, quy hoạch. Sau đó UBND huyện M cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục. Các thủ tục chuyển nhượng, tặng cho thửa đất nói trên cũng đảm bảo đúng trình tự, đúng quy định của pháp luật đất đai và Bộ luật dân sự. Vì vậy, ông Đinh Vũ phản tố yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI

699415 ngày 01/11/2007 cấp cho ông Lê V2, bà Cao Thị Thanh T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 613171 ngày 03/5/2017 mang tên Lê Anh N tại thửa 718, tờ bản đồ 17 xã H, huyện M là không có căn cứ.

[3]. Về tài sản trên đất tranh chấp: Theo kết quả thẩm định tại chỗ thì trên thửa đất 718, tờ bản đồ 17 xã H có 107 cây keo trồng phân tán, đường kính >15 cm và < 25 cm của ông Vũ t2, được định giá 2.931.000 đồng. Theo ông V cây trồng từ năm 2018 và đến kỳ thu hoạch. Vì vậy, buộc ông V thu hoạch cây để trả lại thửa đất 718, tờ bản đồ 17 cho anh N.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm không có tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo.

[4]. Về án phí: căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Đinh Minh V (Đinh V) là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đinh Minh V (Đinh V) và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 10, 49, 50, 52, 105, 107, 123 Luật đất đai 2003 và các Điều 26, 99, 100, 166, 170, 202, 203 Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, X1:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh N buộc ông Đinh Vũ p thu hoạch keo trên thửa đất 718, tờ bản đồ 17 xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình để trả lại thửa đất nói trên cho ông Lê Anh N khi bản án có hiệu lực pháp luật; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đinh Vũ v việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 699415 ngày 01/11/2007 cấp cho ông Lê V2, bà Cao Thị Thanh T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 613171 ngày 03/5/2017 mang tên Lê Anh N tại thửa 718, tờ bản đồ số 17 xã H.

2. Về án phí: Ông Đinh Minh V (Đinh V) được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp